Tên: ……..
Lớp: S5…
Ngày giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....
Ngày nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngữ pháp: …..
Đọc: …..
Mini test: …..

GLOBAL ENGLISH 5

Supplementary Grammar

A. GRAMMAR

❖ **Comparatives & Superlatives with short and long adverbs**
(So sánh hơn và so sánh nhất với trạng từ ngắn và trạng từ dài)

- **Short adverbs** là trạng từ có **một âm tiết**, thường có cùng dạng với tính từ. (fast, hard, late, high, …)
- **Long adverbs** là trạng từ có từ **2 âm tiết trở lên**, thường kết thúc bằng **-ly**. (quickly, carefully, beautifully, …)

	Cách dùng	Cấu trúc	Ví dụ
Comparative	so sánh **hành động/cách thức** của **2 đối tượng**	S1 + V + **short adv-er + than** + S2	Tom runs **faster than** John.
		S1 + V + **more + long adv + than** + S2	She sings **more beautifully than** her sister.
Superlative	so sánh **hành động/cách thức** của đối tượng **nổi bật nhất**	S + V + **the + short adv-est** (+ N / in group/ of all...)	Tom runs **the fastest** in the team.
		S + V + **the most + long adv** (+ N/ in group/ of all...)	She sings **the most beautifully** of all the contestants.

***Note**: S1 = Subject 1 = người/vật được đem ra so sánh; S2 = Subject 2 = người/vật dùng để đối chiếu so sánh; S = Subject: chủ ngữ; N = noun: danh từ; V = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ.*

*** Lưu ý:**

Một số trạng từ có cùng dạng với tính từ, nên vẫn thêm **–er / –est** như với tính từ.

fast – faster – the fastest
hard – harder – the hardest

MỘT SỐ TRẠNG TỪ SO SÁNH Ở DẠNG ĐẶC BIỆT

No.	Adverb	Comparative	Superlative	Meaning
1	well	better	the best	tốt
2	badly	worse	the worst	tồi tệ
3	little	less	the least	ít
4	much	more	the most	nhiều
5	far	further / farther	the furthest / the farthest	xa
6	early	earlier	the earliest	sớm

❖ **Question tags** *(Câu hỏi đuôi)*

- Định nghĩa: Câu hỏi đuôi là một **câu hỏi ngắn nằm đằng sau mệnh đề chính**, được **ngăn cách bởi dấu phẩy**.
- Chức năng: Sử dụng khi người nói muốn **xác minh thông tin trong mệnh đề chính là đúng hay không**.
- Công thức chung: **S + V + O, trợ động từ + đại từ nhân xưng?**

Mệnh đề chính ***khẳng định,***	trợ động từ ***viết tắt dạng phủ định*** + đại từ nhân xưng?
Mệnh đề chính ***phủ định,***	trợ động từ dạng ***khẳng định*** + đại từ nhân xưng?

- Một số trường hợp Question Tags thường gặp:

Thì		Công thức	Mệnh đề chính	Phần hỏi đuôi
Hiện tại đơn	Động từ "to be"	Mệnh đề chính ***khẳng định*****, isn't/aren't + P?** Mệnh đề chính ***phủ định*****, is/are + P?**	He **is** nice, He **is not** nice,	**isn't** he? **is** he?
	Động từ thường	Mệnh đề chính ***khẳng định*****, don't/doesn't + P?** Mệnh đề chính ***phủ định*****, do/does + P?**	Tom **likes** football, Tom **doesn't like** football,	**doesn't** he? **does** he?

LIVEWORKSHEETS

- Chú ý:

Mệnh đề chính	Câu hỏi đuôi	Ví dụ	- Phần hỏi đuôi luôn viết tắt và dùng các đại từ chủ ngữ (I, he, it, they,…) để đặt câu hỏi. - Không dùng tên riêng (Ex: doesn't Mary là sai).
"I am"	"aren't I?"	**I am** tall, **aren't I**?	
"I'm not"	"am I?"	**I'm not** stupid, **am I**?	
have/ has to	"don't/ doesn't/ didn't + P?"	Mary **has to** go to work, **doesn't** she?	
đại từ bất định chỉ người	đại từ "they"	**Nobody** remembers my date of birth, do **they?**	
đại từ bất định chỉ vật	đại từ "it"	**Everything** is okay, isn't **it**?	

Note: *S = subject: chủ ngữ; V = verb: động từ; O = object: tân ngữ; P = pronoun: đại từ nhân xưng.*

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	**gracefully** (adv)	một cách duyên dáng	4	**return** (v)	trở về, quay lại
2	**fluently** (adv)	một cách trôi chảy	5	**soon** (adv)	sớm, chẳng bao lâu
3	**carefully** (adv)	một cách cẩn thận	6	**music college** (n)	nhạc viện

- ***Note:*** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adv = adverb: trạng từ.*
- Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Choose the correct question tags.

*0. I'm next, **aren't I** / **I aren't**?*

1. Joni and Sal don't like me, **do they / do I**?
2. They aren't serious, **are they / do they**?
3. Everything is working, **isn't it / is it**?
4. You usually take the bus, **doesn't you / don't you**?
5. She has to get up early for work, **don't she / doesn't she**?

II. Complete the sentences. Use the COMPARATIVE or SUPERLATIVE forms of the given adverbs.

*0. I speak English **(fluently)** more fluently now than last year.*

1. She greeted me **(politely)** ..... of all.
2. She smiled **(happily)** ..... than before.
3. This girl dances **(gracefully)** ..... of all.
4. Planes can fly **(high)** ..... than birds.
5. He had an accident last year. Now, he drives **(carefully)** ..... than before.

LIVEWORKSHEETS

KET - Part 2

Read about three piano players and write their names to answer the questions below.

Underline / Highlight the information for your answers.

PIANO PLAYERS

Ivan

Ivan was born on a farm in Russia, but from the age of twelve to eighteen, he studied in Poland. His first music teacher couldn't play the piano but taught him and his sister songs from the opera. His mother began to teach him the piano when he was six. At ten, he decided that he wanted to write music too, and he soon started on his first song.

Oleg

Oleg was the youngest of five children and when he was four years old, his father, who liked playing the piano, taught him some traditional Russian music. When he was six, he started having lessons with his piano teacher who lived in the same city. Oleg soon began to win prizes for his piano playing. At the age of fourteen, he went to a music college in Austria for two years. Later he returned home to Russia.

Josef

Josef's father was German but he taught music in Poland where Josef was born. The family moved to Germany when Josef was two, and a year later, he started playing the piano. He gave his first concert when he was six. At ten, he gave fifty-two concerts in two months during a trip to England. Josef always liked music but he was also interested in physics and languages. He is too busy now but one day he would like to write his own music.

0. Who had more than one sister or brother? <u>Oleg</u>

1. Who enjoyed other subjects as well as music? .....
2. Who studied in another country for two years? .....
3. Who was the youngest to begin playing the piano? .....
4. Who did well in music competitions? .....
5. Who wrote music? .....

LIVEWORKSHEETS